

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tuyết Ch, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Ph, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Huỳnh Tuyết Ch trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, bà và ông Nguyễn Vũ Ph thành hôn, chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2003 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2003. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn kéo dài, do không hòa hợp trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông Ph thường hay la cà, ăn nhậu bên ngoài, không lo làm kinh tế, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường có lời lẽ xúc phạm, xua đuổi, đánh đập bà. Bà và ông Ph đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2017 đến nay, bà xác định không còn tình cảm dành cho ông Ph. Do đó, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 02 người con chung, người con thứ nhất tên là Nguyễn Sô N (giới tính nam), sinh ngày 03/7/2000 và người con thứ hai là Nguyễn Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 20/7/2008. N và Đ hiện đang chung sống với ông Ph. Nay bà yêu cầu giao N và Đ cho ông Ph tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2018, ông Nguyễn Vũ Ph trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình chung sống và thủ tục đăng ký kết hôn đúng như bà Ch trình bày. Ông và bà Ch xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã gay gắt, bà Ch đã đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống vào tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Nay bà Ch yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn bà Ch.

Về con chung: Đúng như bà Ch trình bày, nay ông thống nhất tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng N và Đ, không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đúng như bà Ch trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng vụ án: Thủ lý và giải quyết vụ án của Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát kiến nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm; Diễn biến phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử, về hôn nhân chấp nhận cho bà Ch ly hôn ông Ph; về con chung ghi nhận ý kiến của bà Ch và ông Ph. Đồng thời xét nguyện vọng của con, điều kiện nhà ở và kinh tế gia đình, nay xét giao N và Đ cho ông Ph tiếp tục trực tiếp nuôi con là phù hợp; về tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Ph có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng phiên tòa sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2000, bà Ch và ông Ph chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của bà Ch và ông Ph là hợp pháp. Bà Ch và ông Ph đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt kéo dài, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn, không thể đoàn tụ gia đình được. Phía bà Ch xác định không còn tình cảm dành cho ông Ph, không muốn tiếp tục chung sống, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông Ph và nay cương quyết ly hôn. Phía ông Ph cũng thống nhất ly hôn bà Ch. Do ông Ph vắng mặt tại phiên hòa giải, nên không có cơ sở để ghi nhận sự thuận tình ly hôn. Nay xét chấp nhận yêu cầu của bà Ch, cho bà Ch ly hôn ông Ph là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Ch và ông Ph thống nhất ý kiến, là giao Nguyễn Sô N và Nguyễn Minh Đ cho ông Ph tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy N và Đ đã sinh sống và học tập ổn định cùng ông Ph. Đồng thời, N và Đ cũng có nguyện vọng chung sống với ông Ph. Mặt khác, ông Ph có điều kiện kinh tế và nhà ở ổn định. Do đó, nay xét giao N và Đ cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc ông Ph không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện, nay xét nghi nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ch phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận cho bà Huỳnh Tuyết Ch ly hôn ông Nguyễn Vũ Ph.

2. Giao Nguyễn Sô N (giới tính nam), sinh ngày 03/7/2000 và Nguyễn Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 20/7/2008 cho ông Nguyễn Vũ Ph tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Vũ Ph là không yêu cầu bà Huỳnh Tuyết Ch cấp dưỡng nuôi con.

4. Bà Huỳnh Tuyết Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Tuyết Ch phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006595 ngày 20/6/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Huỳnh Tuyết Ch đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đồi